TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN HIỆP HÒA	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH BẮC GIANG	

Bản án số: /2018/DS-ST

Ngày 22/6/2018

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HOÀ, TỈNH BẮC GIANG

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Xuân Trường

2/ Ông Nguyễn Ngọc Trứ

Thư ký phiên toà: Bà Lê Ngọc Mai-Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa:

Ông Ngô Đức Nghiêm: Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 6 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 99/2017/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐXXST- DS ngày 24 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Bà Nguyễn Thị M (tên gọi khác: Nguyễn Thị H)**, sinh năm 1968- có mặt.

Địa chỉ: Thôn G, xã H, huyện H, tỉnh B.

- *Bị đơn:* **Bà Trần Thị H,** sinh năm 1973- vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện H, tỉnh B.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+/ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1967- Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã M , huyện H, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14/12/2017, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn (bà Nguyễn Thị M) trình bày: Bà và bà Trần Thị H có mối quan hệ quen biết nhau do trước đây bà và H có làm việc cùng nhau. Vì vậy, ngày 23/6/2015 bà H có hỏi vay tiền của bà nói là để lo cho con ăn học nên bà đã đồng ý cho bà H vay 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Khi vay tiền thì bà H có viết giấy vay tiền đề ngày 23/6/2015, số tiền vay là 20.000.000đ, thời hạn vay từ ngày 23/6/2015 (tức ngày 08/5/2015 âm lịch) đến ngày 25/12/2015 (âm lịch) thì bà H phải trả cho bà số tiền vay nêu trên. Hai bên có thỏa thuận miệng về lãi suất bằng lãi suất ngân hàng. Khi bà H vay tiền và khi bà đưa tiền cho bà H vay thì chỉ có một mình bà H hỏi vay và nhận tiền vay, không có mặt ôngT (chồng bà H). Khi lập giấy vay tiền đề ngày 23/6/2015 hai bên có lậpT hai bản, bà giữ một bản còn một bản bà đưa cho bà H cầm về cho chồng là ôngT ký, bà H đồng ý nhưng hai hôm sau khi bà gặp thì bà H nói đã lỡ quên cho tờ giấy vay tiền vào máy giặt nên không bảo ôngT ký được. Từ ngày bà cho bà H vay tiền đến ngày trả theo như hạn trong giấy vay tiền ngày 25/12/2015 (âm lịch) và đến nay bà H vẫn chưa trả cho bà được một đồng nào tiền gốc và lãi. Bà đã đến đòi nhiều lần nhưng không gặp được bà H. Nay bà xác định bà H còn nợ của bà số tiền gốc vay là 20.000.000đ

và lãi, bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà H, ôngT phải thanh toán trả cho bà số tiền gốc vay là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm, lãi suất theo quy định của pháp luật.

Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bà Trần Thị H và ông Nguyễn VănT) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy không có lời khai trong hồ sơ. Tòa án đã nhiều lần trực tiếp cùng với địa phương về làm việc tại gia đình nhưng bà H, ôngT vắng mặt. Qua xác minh bà Ngô Thị N là mẹ đẻ của ôngT, mẹ chồng bà H cung cấp: bà H và ôngT đều có hộ khẩu thường trú cùng với bà tại thôn T, xã M , Hiệp Hòa, Bắc Giang, bà H, ôngT đi làm ăn buôn bán sáng đi, tối về, các giấy triệu tập, thông báo thụ lý, thông báo hòa giải... của Tòa án bà nhận thay bà H, ôngT bà đều đã giao lại cho bà H và ôngT, còn việc bà H, ôngT có lên Tòa án làm việc theo giấy triệu tập và thông báo của Tòa án hay không bà không biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].***Về thủ tục tố tụng:***

Chị Trần Thị H và anh Nguyễn VănT (là bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan) đã được Toà án triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ 2 nhưng đương sự vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có tên nêu trên.

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 14/12/2017 của bà Nguyễn Thị M đây xác định là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản, quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. **Về quan hệ tranh chấp**:

Bà Nguyễn Thị M và bà Trần Thị H tự N thỏa thuận cho nhau vay tiền theo hợp đồng vay đề ngày 23/6/2015, được xác nhận là hợp đồng hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị M yêu cầu bà Trần Thị H và ông Nguyễn VănT phải trả 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) tiền gốc còn nợ, thấy rằng: Phía bà H, ôngT đã được Tòa án triệu tập hợp lệ vì vậy xác định bà H, ôngT biết việc bà M có đơn khởi kiện đối với bà H, ôngT. Việc bà H, ôngT không đến Tòa án làm việc, trình bày về hợp đồng vay tiền mà hai bên đã ký kết để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình là tự tước bỏ đi quyền và nghĩa vụ mà pháp luật quy định cho bà H, ôngT có quyền thực hiện. Mặt khác, việc bà H thay đổi nơi cư trú (chuyển về sống cùng mẹ chồng là bà N) nhưng không thông báo cho bà M biết đã vi phạm vào khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, hậu quả của việc bà H, ôngT không bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì bà H và ôngT phải gánh chịu. Tại Tòa án cũng như tại phiên tòa bà M xác định sau khi hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng vay tài sản bà M đã thực hiện nghĩa vụ của bên cho vay là giao cho bà H số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và bà H đã nhận đủ số tiền này, mục đích bà H vay là để lo cho con ăn học là phục vụ cho việc thiết yếu trong gia đình. Đến hẹn trả nợ bà H, ôngT không thanh toán trả bà M toàn bộ số tiền đã vay nên bà M có đơn khởi kiện bà H, ôngT. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định bà Trần Thị H, ông Nguyễn VănT còn nợ của bà Nguyễn Thị M 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) tiền gốc theo hợp đồng vay giữa hai bên ký kết ngày 23/6/2015. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M là có căn cứ, cần buộc bà Trần Thị H, ông Nguyễn VănT phải có trách nhiệm liên đới thanh toán trả bà Nguyễn Thị M số tiền gốc còn nợ là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị M yêu cầu bà Trần Thị H, ông Nguyễn VănT phải thanh toán cho bà M số tiền lãi phát sinh từ khi vay là ngày 23/6/2015 bà H, ôngT chưa thanh toán, đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy: hợp đồng vay tài sản được ký kết giữa bà M và bà H ở thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực pháp luật, vì vậy cần áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết tranh chấp giữa các bên. Trong vụ án này, giữa bà M và bà H không thỏa thuận rõ về lãi suất trong hợp đồng, chỉ thỏa thuận thời hạn vay tiền từ ngày 23/6/2015 (tức ngày 08/5/2015 âm lịch) đến ngày 25/12/2015 (âm lịch) thì bà H, ôngT phải thanh toán trả gốc. Bà M xác định có thỏa thuận miệng về lãi suất theo lãi suất ngân hàng và không ghi vào hợp đồng, không thỏa

thuận lãi suất nợ quá hạn, vì vậy xác định là hợp đồng vay tài sản có thời hạn và có lãi suất. Ngày trả nợ của hợp đồng xác định là ngày 25/12/2015 (âm lịch) tức là ngày 03/02/2016 nên xác định được từ ngày 23/6/2015 đến ngày 03/02/2016 được tính lãi trong hạn của hợp đồng và từ ngày 04/02/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm 22/6/2018 xác định là những ngày tính lãi quá hạn của hợp đồng. Do đó cần tính lãi suất trong hạn và quá hạn để buộc bà H, ôngT thanh toán trả cho bà M là phù hợp. Trong vụ án này, do không xác định rõ lãi suất nên lãi trong hạn và lãi quá hạn đều xác định theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn chậm trả tại thời hạn trả nợ. theo quy định tại khoản 5 Điều 474 và khoản 2 Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005. Tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước quy đinh mức lãi suất cơ bản là 9%/năm (tức 0,75%/tháng). Vì vậy, yêu cầu của bà M về việc yêu cầu bà H, ôngT thanh toán trả tiền lãi trên nợ gốc với mức lãi suất theo quy định của pháp luật có cơ sở để chấp nhận. Vì vậy, cần tính mức lãi suất là 0,75%/tháng để buộc bà H, ôngT phải thanh toán lãi trả cho bà M đối với số tiền bà H, ôngT chậm trả từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm (từ ngày 23/6/2015 đến ngày 22/6/2018).

Như vậy, lãi của hợp đồng vay được xác định như sau:

+ Từ ngày 23/6/2015 đến ngày 22/6/2018 là 36 (Ba mươi sáu) tháng số tiền lãi là: 20.000.000đ x 0,75% x 36 tháng = **5.400.000đ (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng).**

Tổng số tiền lãi bà H, ôngT phải thanh toán trả cho bà M là: **5.400.000đ (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng).**

Vì vậy, yêu cầu của bà Nguyễn Thị M yêu cầu bà Trần Thị H, ông Nguyễn VănT phải thanh toán lãi của số tiền gốc còn nợ với mức lãi suất theo quy định của pháp luật được chấp nhận ở mức 0,75%/tháng, cần buộc bà H, ôngT phải thanh toán trả cho bà M số tiền lãi của hợp đồng vay là: **5.400.000đ (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng).**

Quan hệ giữa bà Trần Thị H và ông Nguyễn VănT là quan hệ vợ chồng. Căn cứ vào Điều 298 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình thì bà H, ôngT phải chịu trách nhiệm liên đới đối với việc thanh toán nợ gốc và lãi cho bà Nguyễn Thị M của hợp đồng vay tài sản nêu trên, cụ thể gốc là **20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng),** lãi là **5.400.000đ (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng).** Tổng cả gốc và lãi là: **25.400.000đ (Hai mươi lăm triệu bốn trăm nghìn đồng).**

[3]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của bà M được chấp nhận, vì vậy bà Nguyễn Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trần Thị H và ông Nguyễn VănT phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xét đã đảm bảo đúng theo quy định; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án cơ bản đúng quy định của pháp luật, đối với bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 471, 474, 476, 478, Điều 298 của Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 3 Điều 40; Điều 288, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 131; Điều 144; Điều 146; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M (tên gọi khác: Nguyễn Thị H). Buộc bà Trần Thị H và ông Nguyễn VănT phải có nghĩa vụ liên đới thanh thanh toán trả bà Nguyễn Thị M (tên gọi khác: Nguyễn Thị H) số tiền nợ gốc là **20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng),** lãi là **5.400.000đ (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng).** Tổng cả gốc và lãi là: **25.400.000đ (Hai mươi lăm triệu bốn trăm nghìn đồng).**

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn VănT phải liên đới chịu 1.270.000đ (Một triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị M không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà Nguyễn Thị M tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001943 ngày 25/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 471, 474, 476, 478, Điều 298 của Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 3 Điều 40; Điều 288, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 131; Điều 144; Điều 146; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M (tên gọi khác: Nguyễn Thị H).

Buộc bà Trần Thị H và ông Nguyễn VănT phải có nghĩa vụ liên đới thanh thanh toán trả bà Nguyễn Thị M (tên gọi khác: Nguyễn Thị H) số tiền nợ gốc là **20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng),** lãi là **5.400.000đ (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng).** Tổng cả gốc và lãi là: **25.400.000đ (Hai mươi lăm triệu bốn trăm nghìn đồng).**

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn VănT phải liên đới chịu 1.270.000đ (Một triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị M không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà Nguyễn Thị M tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001943 ngày 25/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ng□ời đ□ợc thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự N thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Bắc Giang

-VKSND tỉnh Bắc Giang;

- VKSND huyện Hiệp Hòa;

- Các đ- ơng sự;

- Chi cục thi hành án;

- L- u.

T/ M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà

Nguyễn Xuân Toàn